

Bản án số: **97/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 12/5/2025
V/v Hủy việc kết hôn trái pháp luật

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quan Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lộc Thị Kim Thơm và bà Vũ Thị Toan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 344/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc “*Hủy kết hôn trái pháp luật*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐ-HNGĐ ngày 24/4/2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn E, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

*** Bị đơn:** Anh **Đặng Văn C**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn E, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn B - chức vụ: Chủ tịch UBND xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Chị N và UBND xã L có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Đặng Văn C vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn C (tên trong giấy chứng nhận kết hôn là Đặng Văn T) được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã

L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ngày 12/02/2004. Sau khi kết hôn cả hai cùng chung sống tại thôn E, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Thời điểm đăng ký kết hôn chị chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật nên chị đã khai hơn tuổi và đi đăng ký kết hôn. Sau đó chị và anh Đặng Văn C được UBND xã L, huyện Y cấp cho Giấy chứng nhận kết hôn số 145 ngày 12/02/2004. Thời gian đầu chung hạnh phúc, đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, không có sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, anh chị bắt đầu sống ly thân từ năm 2022, trong suốt thời gian đó cả hai không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai thì người đó tự lo, không còn tình cảm với nhau. Tại đơn khởi kiện chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đặng Văn C. Quá trình giải quyết vụ án chị N thay đổi yêu cầu Tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh Đặng Văn C.

- Về con chung: Chị và anh Đặng Văn C có 01 con chung tên Đặng Tiến T1, sinh ngày 22/5/2005. Hiện đã trên 18 tuổi, có khả năng nhận thức và lao động bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị N và anh C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về vay nợ, cho vay nợ chung: Chị N và anh C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo triệu tập anh Đặng Văn C đến để giải quyết vụ án nhưng anh C đều không có mặt. Qua quá trình xác minh tại địa phương thì hiện nay anh C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn E, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Theo cung cấp xác minh tại địa phương, đại diện thôn E, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang thì anh Đặng Văn C và chị Trần Thị N có đăng ký kết hôn với nhau là đúng thực tế. Sau khi kết hôn, anh chị cùng nhau sinh sống làm ăn tại thôn E, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sinh hoạt và kinh tế. Anh chị có 01 con chung là cháu Đặng Tiến T1 hiện đã trên 18 tuổi, tự lao động kiếm sống, không phụ thuộc bố mẹ. Hiện nay, anh C không thường xuyên có mặt tại địa phương, cũng không thông báo, cung cấp địa chỉ nơi ở và nơi làm việc cho chính quyền địa phương và gia đình biết. Đại diện thôn và gia đình có nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án và đã thông báo cho gia đình anh Đặng Văn C biết việc Tòa án đang giải quyết ly hôn giữa anh chị Trần Thị N và anh Đặng Văn C nhưng anh C không về Tòa án để giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn B có ý kiến như sau:

Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đã thực hiện đăng ký kết hôn cho chị Trần Thị N, địa chỉ: Thôn E, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và anh

Đặng Văn C, địa chỉ: Thôn E, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 12/02/2004.

Thời điểm chị N và anh C đăng ký kết hôn, chị Trần Thị N cung cấp thông tin cá nhân họ và tên Trần Thị N, sinh ngày 10/5/1983. Do sơ suất không kiểm tra lại giấy tờ chứng minh nhân dân của chị N nên UBND xã L đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho chị N và anh C.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn xác minh tại địa phương, qua quá trình rà soát lại sổ đăng ký kết hôn, đối chiếu với Căn cước công dân hiện tại của chị Trần Thị N và Luật Hôn nhân và gia đình. UBND xã L nhận thấy thời điểm chị Trần Thị N đăng ký kết hôn khi mới 16 tuổi 9 tháng 02 ngày. UBND xã L đã đăng ký kết hôn cho chị N, anh C không đúng quy định về độ tuổi đăng ký kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay chị N đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn hủy việc kết hôn trái pháp luật, UBND xã L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y được Công chức Tư pháp xã cung cấp thông tin sự việc như sau: Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn số 145 ghi chị Trần Thị N, sinh ngày 10/5/1983 và anh Đặng Văn T, sinh ngày 08/12/1979 đăng ký kết hôn số 145 ngày 12/02/2004 (đăng ký kết hôn lần 1). Việc anh ghi anh Đặng Văn C thành tên Đặng Văn T là do sai sót của công chức Tư pháp quá trình vào sổ đăng ký. Đối chiếu với giấy tờ tùy thân hiện nay của chị Trần Thị N, sinh ngày 10/5/1987 và quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 cho thấy thời điểm đăng ký kết hôn (ngày 12/02/2004) chị Trần Thị N mới 16 tuổi 09 tháng 02 ngày.

Tại Công văn số 535/QLHC-Đ5 ngày 24/3/2025 của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh T về việc trả lời xác minh thông tin thể hiện: Qua tra cứu trong tàng thư căn cước công dân có tài liệu: Trần Thị N, sinh ngày 10/5/1987, chứng minh nhân dân số 070954325 do Công an tỉnh T cấp ngày 07/6/2010, cấp lại ngày 22/02/2018.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa nguyên đơn chị Trần Thị N và bị đơn anh Đặng Văn C.

Về con chung: Đối với cháu Đặng Tiến T1, hiện đã trên 18 tuổi, có khả năng nhận thức và lao động bình thường chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị N xác định tự thoả thuận với anh C, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Vay nợ, cho vay nợ chung: Chị Trần Thị N xác định chị và anh Đặng Văn C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Chị Trần Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Đặng Văn C không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, các quy định của pháp luật. Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị N khởi kiện yêu cầu giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đặng Văn C có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn E, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do đó, căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được niêm yết tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận định:

- Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Đặng Văn C là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 12/02/2004. Theo Công văn số 535/QLHC-Đ5 của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh T thời điểm chị N được cấp chứng minh nhân dân lần đầu là ngày 07/6/2010 (trước ngày chị N thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã L). Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ thu thập được đều thể hiện chị Trần Thị N, sinh ngày 10/5/1987. Ngày 12/02/2004 chị Trần Thị N đăng ký kết hôn với anh Đặng Văn C thì chị N mới 16 tuổi 9 tháng 02 ngày là chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, là bất đồng quan điểm sống, về kinh tế, cả hai thường xuyên cãi chửi nhau. Chị N và anh C bắt đầu sống ly thân từ năm 2022, trong suốt thời gian đó cả hai không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai thì người đó tự lo, không còn tình cảm với nhau. Nay chị Trần Thị N yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật với anh Đặng Văn C. Do đó, căn cứ Điều 11, 12 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 2, 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-

TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Trần Thị N và anh Đặng Văn C.

- Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Đặng Văn C có 01 con chung tên Đặng Tiến T1, sinh ngày 22/5/2005. Hiện đã trên 18 tuổi, có khả năng nhận thức và lao động bình thường chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Chị Trần Thị N xác định, chị và anh Đặng Văn C tự thỏa thuận về phần tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về vay nợ, cho vay nợ chung: Chị Trần Thị N xác định, chị và anh Đặng Văn C không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Đặng Văn C không phải chịu án phí.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ khoản 6 Điều 3; Điều 11; Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ khoản 2, 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị N.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Trần Thị N và anh Đặng Văn C theo giấy chứng nhận kết hôn số 145 ngày 12/02/2004 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. *Về án phí:* Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002245 ngày 30/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chị Trần Thị N đã nộp đủ án phí. Anh Đặng Văn C không phải chịu án phí.

3. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- CCTHADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Lang Quán, huyện Yên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Quan Thị Thu Trang